

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 6,000 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -9.1% | -16.7% | -21.1% |

| | | |
|-------|------|-------------------|
| Q3/24 | | |
| ROE | 0.5% | +/- YoY ▼ 1.3% |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| DT thuần | 16.5 | QoQ ▼ 29.3 ▼ 63.9% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 0.50 ▲ 3.3% |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| DT thuần | 84.1 | YoY ▲ 39.4 ▲ 88.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN gộp | 2.58 | QoQ ▼ 1.38 ▼ 34.7% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 1.87 ▲ 264% |

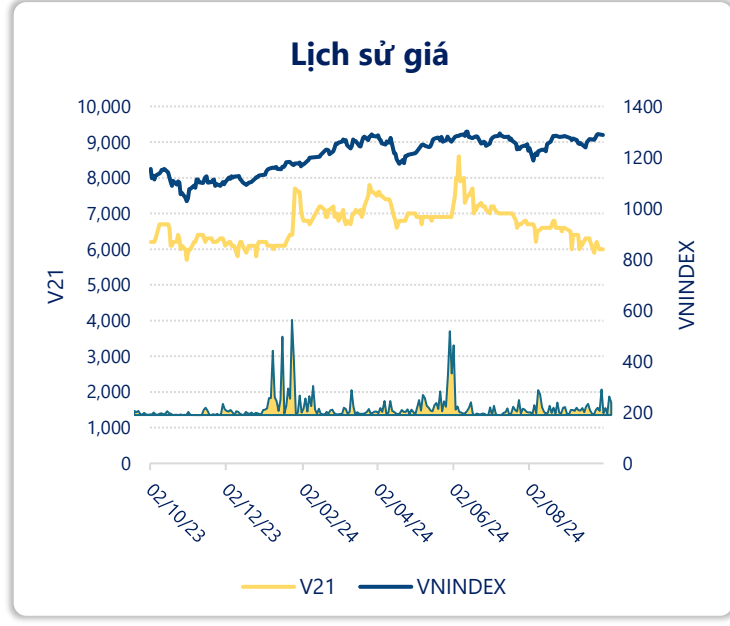
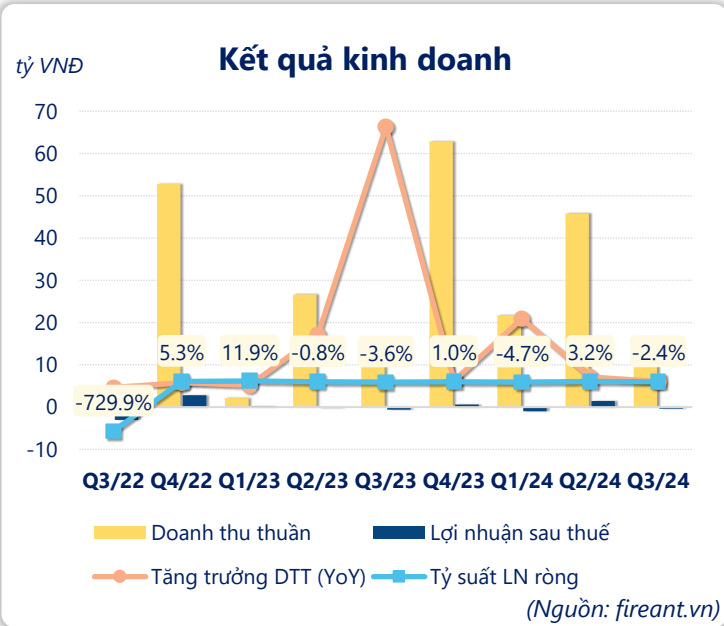
| | | |
|---------|--------|--------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN gộp | 8.75 | YoY ▲ 1.05 ▲ 13.6% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN thuần | -0.39 | QoQ ▼ 0.79 ▼ 197% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 0.19 ▲ 32.9% |

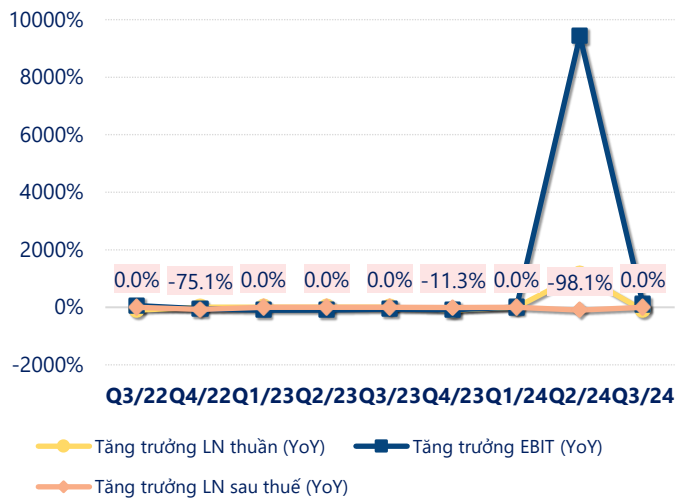
| | | |
|----------|--------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN thuần | -0.98 | YoY ▼ 0.62 ▼ 172% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| Q3/24 | | |
| LN sau thuế | -0.39 | QoQ ▼ 1.86 ▼ 127% |
| | tỷ VNĐ | YoY ▲ 0.19 ▲ 32.5% |

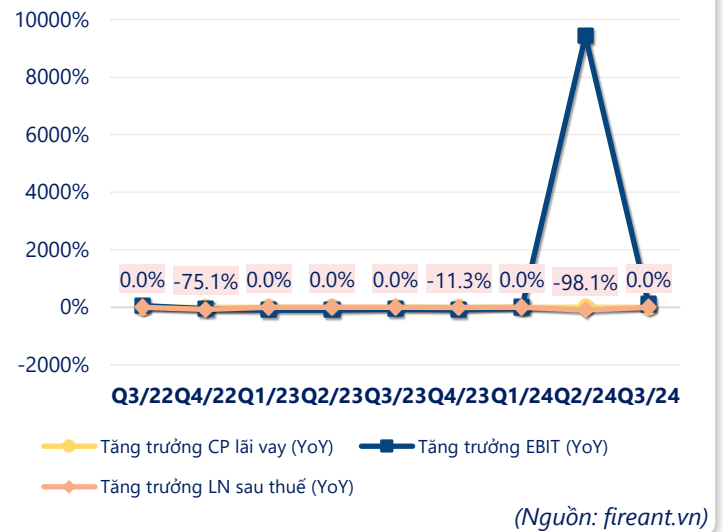
| | | |
|-------------|--------|-------------------------|
| 9T 2024 | | |
| LN sau thuế | 0.06 | YoY ▲ 0.60 ▲ 111% |
| | tỷ VNĐ | |



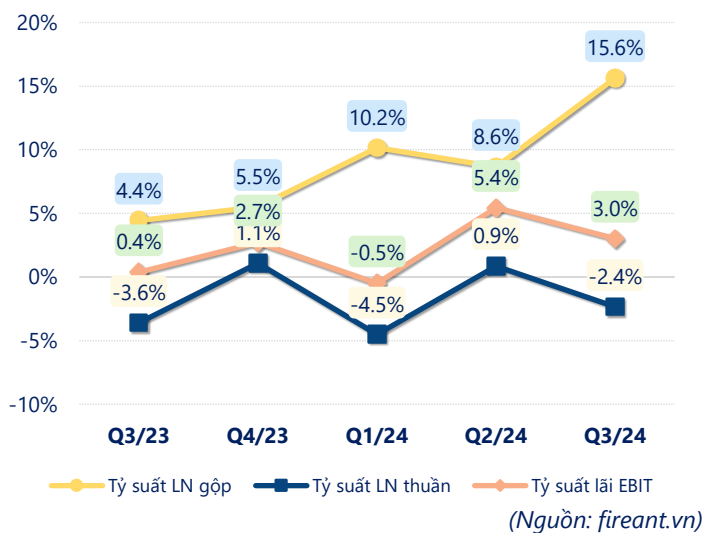
Tăng trưởng lợi nhuận



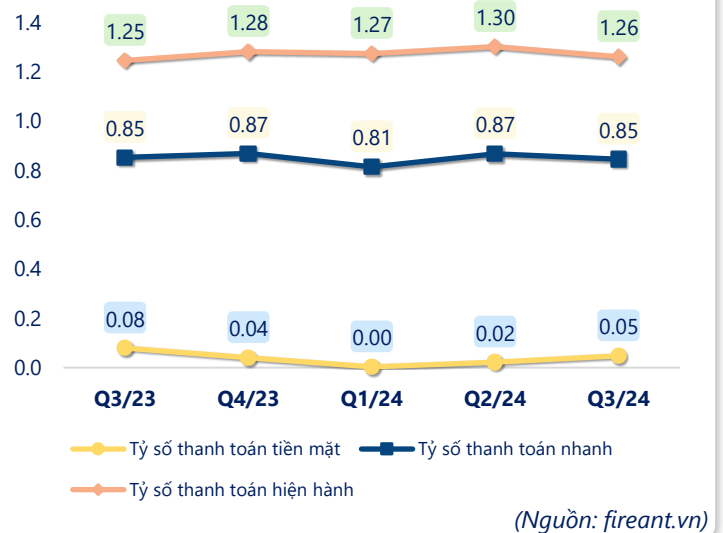
Tăng trưởng chi phí



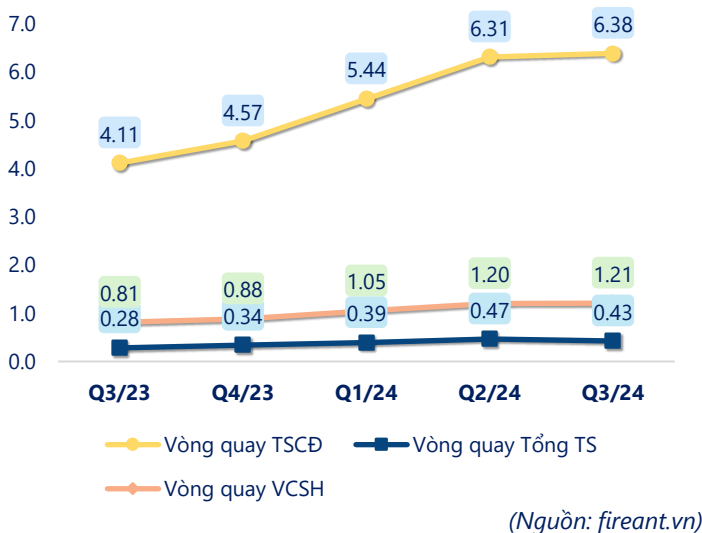
Tỷ suất lợi nhuận



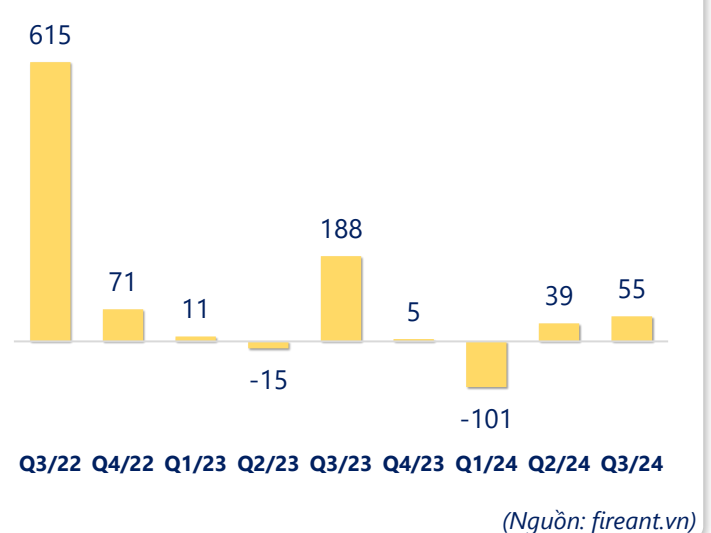
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH

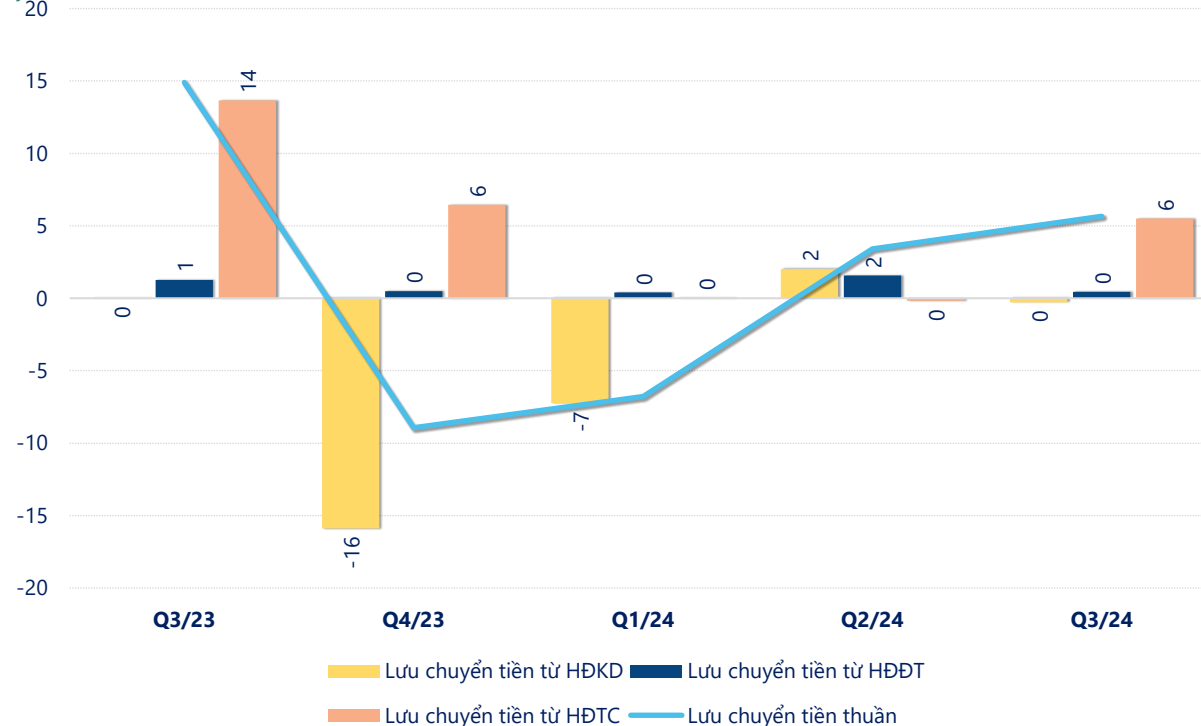
(tỷ VNĐ)

| | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 16.5 | 16.0 | 3.3% | 84.1 | 44.7 | 88.0% |
| Giá vốn hàng bán | 13.9 | 15.3 | -8.9% | 75.3 | 37.0 | 103% |
| Lợi nhuận gộp | 2.58 | 0.71 | 264% | 8.75 | 7.70 | 13.6% |
| Doanh thu HĐTC | 0.45 | 0.45 | 0.2% | 1.38 | 1.35 | 2.2% |
| Chi phí TC | 0.89 | 0.64 | 39.0% | 2.81 | 2.13 | 32.4% |
| Chi phí lãi vay | 0.89 | 0.64 | 39.0% | 2.81 | 2.13 | 32.4% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 2.54 | 1.09 | 133% | 8.29 | 7.28 | 13.9% |
| LN thuần từ HĐKD | -0.39 | -0.58 | 32.9% | -0.98 | -0.36 | -172% |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | 0.00 | | 1.04 | 0.09 | 1039% |
| LN trước thuế | -0.39 | -0.58 | 32.5% | 0.06 | -0.27 | 124% |
| Lợi nhuận sau thuế | -0.39 | -0.58 | 32.5% | 0.06 | -0.54 | 111% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -0.39 | -0.58 | 32.5% | 0.06 | -0.54 | 111% |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)